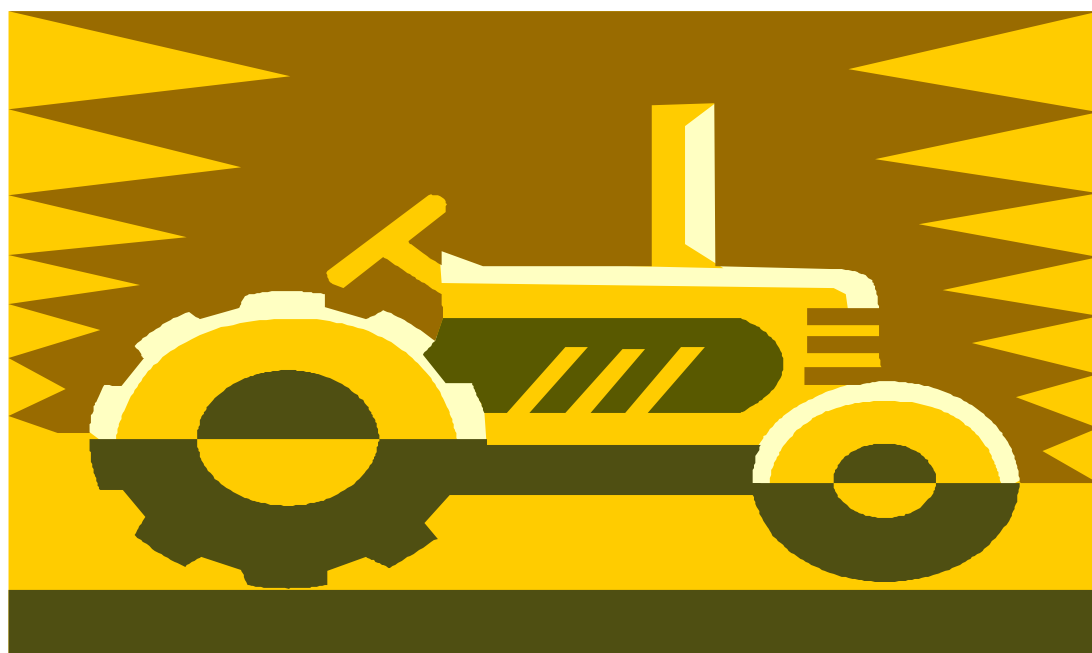


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

HỒ SƠ NĂNG LỰC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207
(PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LAS-XD 26.011)

Địa chỉ: Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương
Tel/Fax : 0220.897.937 - Mobile: 0963.232308 - Gmail: lasxd26.011@gmail.com



GIỚI THIỆU NĂNG LỰC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

- LỜI GIỚI THIỆU CHUNG
- THÔNG TIN CHUNG
- CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
- QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP PHÒNG THÍ NGHIỆM
- CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
- BỐ TRÍ NHÂN LỰC
- TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC TƯ VẤN

PHẦN I: LỜI GIỚI THIỆU

Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207 là một doanh nghiệp được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0403.000.713 ngày 06/11/2007 (lần đầu) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương. Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 21 tháng 12 năm 2017 với mã số doanh nghiệp: 0800390503 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương.

Tiền thân Công ty là một phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được liên doanh với phòng LAS - XD 496. Do tình hình ngày càng phát triển, nhu cầu hoạt động ngày càng mở rộng và đặc biệt là có sự tham gia của đội ngũ các cán bộ có thâm niên công tác trong các cơ quan Nhà nước, các công trình đã và đang tham gia được chủ đầu tư đánh giá đảm bảo chất lượng và hoàn thành tiến độ. Trên cơ sở đó Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207 được ra đời.

Tiếp tục phát huy thế mạnh đó, hiện nay công ty đang tham gia Tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế nhiều công trình thuộc các lĩnh vực dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. Ngoài ra Công ty còn có Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình, mã số LAS-XD624 được thành lập theo Quyết định công nhận số : 146/QĐ-BXD ngày 25/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng. Công ty có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAD-00018336 ngày 23/03/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương cấp. Công ty có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 11/GCN-SXD ngày 18/11/2024 của Sở xây dựng tỉnh Hải Dương cấp với mã số LAS-XD 26.011.

Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207 có đội ngũ trên 30 cán bộ được đào tạo chính quy và tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản lý. Hơn nữa công ty đang tiến hành đổi mới thiết bị, công nghệ, không ngừng đào tạo, học hỏi kinh nghiệm, kịp thời nắm bắt những thông tin, những tiến bộ khoa học kỹ thuật để phục vụ nhu cầu xây dựng ngày càng phát triển ở nước ta.

Bằng uy tín và khả năng nỗ lực của chính mình, chúng tôi hy vọng sẽ đáp ứng được mọi yêu cầu của **Quý cơ quan** trong phạm vi cho phép, với phương châm:

UY TÍN - HIỆU QUẢ - CẢI TIẾN LIÊN TỤC
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0800390503

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 11 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 21 tháng 12 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 23/73 đường Thanh Bình, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0220.3837937

Fax: 0220.3837937

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 480.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 4.800

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **ĐOÀN VĂN HIẾU**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: *12/07/1975*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *142053412*

Ngày cấp: *16/06/1994*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hải Hưng*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Khay, Xã Thống Nhất, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Khay, Xã Thống Nhất, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*



TRƯỜNG PHÒNG

TRƯỜNG PHÒNG

Vũ Huy Cường

Hải Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2017

Số:



32854/17

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Hải Dương*

Địa chỉ trụ sở: *Số 58 phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Điện thoại: 0220 3859412

Fax:

Email: *dkkdhd@gmail.com*

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0800390503

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100(Chính)



STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; thử nghiệm, kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, bê tông bằng phương pháp phá huỷ và không phá huỷ; thử nghiệm, kiểm tra chất lượng kim loại, mối hàn bằng phương pháp cơ lý và siêu âm; thử nghiệm, kiểm tra chất lượng nền móng, nền đường, bãi cảng, nén tĩnh nền, nén tĩnh cọc bê tông cốt thép; tư vấn thiết kế, lập dự án các công trình giao thông; tư vấn lập quy hoạch mạng lưới giao thông; tư vấn lập hồ sơ mời thầu các công trình giao thông; tư vấn thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán các công trình giao thông; giám sát thi công công trình giao thông; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng; san lấp mặt bằng công trình; khảo sát địa chất công trình; khảo sát địa hình; tư vấn thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, dân dụng – công nghiệp; tư vấn lập dự án, dự toán, hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; tư vấn quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông; dịch vụ kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng.	7110
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng	4290
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
5	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
6	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: xử lý móng bằng phương pháp ép cọc, cọc khoan nhồi	4390
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện(máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách du lịch bằng ô tô	4932
11	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa máy móc thiết bị công trình, công nghiệp	3312

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207.
Địa chỉ: Số 23/73 đường Thanh Bình, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

-.....;
- Lưu: Phạm Thanh Tùng.....



TRƯỜNG PHÒNG
Vũ Huy Cường

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAD-00018336

(Ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-SXD ngày 27/11/2018 và Quyết định số 86/QĐ-SXD ngày 23/3/2022 của Sở Xây dựng Hải Dương)

Tên tổ chức: Công ty cổ phần tư vấn, kiểm định công trình xây dựng 207.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800390503.

Ngày cấp lần đầu: 06/11/2007; thay đổi lần thứ 3 ngày: 21/12/2017; nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Tên người đại diện theo pháp luật: Đoàn Văn Hiếu; chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; số điện thoại: 02203.837937.

1. Phạm vi hoạt động xây dựng:

1.1. Khảo sát địa chất công trình - Hạng II.

1.2. Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình Giao thông đường bộ - Hạng II.

1.3. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình: Giao thông đường bộ, Hạ tầng kỹ thuật - Hạng III.

1.4. Giám sát thi công xây dựng công trình: Giao thông đường bộ - Hạng II; Hạ tầng kỹ thuật - Hạng III.

2. Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày 27/11/2028. ✓

Hải Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Phụng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207 và Báo cáo kết quả kiểm tra Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 74/BC-CCGĐXD ngày 18/11/2024 của Chi cục Giám định xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800390503 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0975.220.951.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: **LAS-XD 26.011**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận số 745/GCN-BXD ngày 20/6/2019 của Bộ Xây dựng (cấp mã số phòng thí nghiệm LAS-XD 624).

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở XD;
- Cổng TT điện tử Sở Xây dựng (website);
- Lưu: VP, CCGĐXD (03b).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Cửu Long

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS - XD 26.011

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: AA./GCN-SXD ngày 1.8./11/2024
của Sở Xây dựng Hải Dương)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
2	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016:11
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
5	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
6	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
7	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
8	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
10	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:22
11	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022
12	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022
13	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:2022
14	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:12
	THỬ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
15	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:06
16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:06
17	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
18	Xác định khối lượng thể tích xếp và độ hong	TCVN 7572-6:06
19	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 7572-7:06
20	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
21	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
22	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
23	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
24	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:06
25	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
26	Xác định hàm lượng ion Clo trong cốt liệu	TCVN 7572-15:06
27	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:06
28	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
29	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
30	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-02
31	PP xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:12
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
32	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12



33	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196:12
34	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
35	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
36	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; TCVN 12790:20; 22TCN 333:06; 22TCN 59:84
37	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
38	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	TCVN 12792:2020
39	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12
40	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12
41	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
42	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:12; TCVN 4196:2012
43	Đất gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chế, modun đàn hồi, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:12; TCVN 8862:11
44	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:00; TCVN 8723:2012
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, CÁP THÉP, BU LÔNG, VÍT, VÍT CÂY, ĐAI ỐC		
45	Thử kéo	TCVN 197-1:14; TCVN 314:08
46	Thử uốn	TCVN 198:08; TCVN 5891:08;
47	Kiểm tra chất lượng mối hàn- Thử uốn	TCVN 5401:10; ISO 5173
48	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991; TCVN 8310:10; TCVN 8311:10
49	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử va đập	TCVN 5402:10
50	Thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực, thép lưới hàn: xác định độ bền kéo, uốn và uốn lại, độ mỏi và các kích thước hình học	TCVN 7937:13; TCVN 9391:12; TCVN 6287:97;
51	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước hình học, thử kéo, lực cắt, lực xiết	TCVN 197:14; TCVN 1916:95; TCVN 4795: 89 ;TCVN 4796:89
52	Thử kéo thép cốt bê tông mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-1:2023; TCVN 197-1:14
53	Ống kim loại - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
54	Thử nghiệm lực căng tấm lưới làm rọ đá	ASTM A 975: 03
55	Thử nghiệm thép tấm lượn sóng	AASHTO M180: 04
BÊ TÔNG NHỰA		
56	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
57	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11
58	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
59	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
60	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
61	TCVN 8860-6:11	
62	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
63	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11

64	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
65	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
66	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
67	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
68	Phương pháp Marshall để lựa chọn tỷ lệ và thành phần vật liệu trong Bê tông nhựa - Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820-2011; TCVN 13567-1,2,3:2022
69	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định hình dáng bề ngoài, thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, KL riêng, KL thể tích, KL-TT và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22 TCN 58:84; TCVN 12884-2: 2020
NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỰ TƯƠNG AXÍT		
70	Xác định độ kim lún ở 25°C, độ kim lún PI	TCVN 7495:05
71	Xác định modun đàn hồi và độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05
72	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05
73	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2:11
74	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05
75	Xác định độ hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2023
76	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05
77	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05; TCVN8818-5:11
78	Xác định hàm lượng parafin	TCVN7503:05
79	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05
80	Thử nghiệm cơ lý nhũ tương nhựa đường axit	TCVN 8817 : 2011
81	Độ nhớt Saybolt Furol, 50°C	TCVN 8817-2 : 2011
82	Thử nghiệm cơ lý nhựa đường lông	TCVN 8818 : 2011
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
83	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20; TCVN 8729:12; TCVN 8728:12;
84	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346.06; TCVN 8729:12, TCVN 8730:12
85	Xác định môđun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:11
86	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cân Benkelman	TCVN 8867:11
87	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
88	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:11
89	Xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12
90	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:12
91	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
92	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:11
93	Thử nghiệm nghiệm thu neo trong đất	TCVN 8870: 11
94	Xác định cường độ cốt diện bê tông cốt thép	TCVN 5847: 94
95	Thí nghiệm xuyên tĩnh (SPT)	TCVN 9351: 12
96	Thí nghiệm hút nước trong hồ khoan	TCVN 9148: 12
97	Thử nghiệm cọc trụ xi măng đất gia cố nền đất	TCVN 9403: 12
98	Thử nghiệm cơ lý Bentonite, Polymer	TCVN 9395: 12

H. C
S
Y D
H A

99	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN 239:06
100	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy – Xác định cường độ chịu nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy.	TCVN 9357: 12 TCVN 9335: 12 TCVN 9334: 12
101	Thử nghiệm cắt cánh hiện trường	ASTM D2573: 08
102	Thử khả năng chịu tải của ống công BTCT	TCVN 9113:12
103	Thử khả năng chịu tải của công hộp BTCT	TCVN 9116:12
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
104	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
105	Xác định lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
106	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
107	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
108	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:22
109	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
110	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 11971:18
111	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn với nền	TCVN 3121-12:2022
112	Xác định hàm lượng ion Clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022
113	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
114	Vữa xi măng trộn sẵn không co: Xác định độ tách nước, độ chảy	TCVN 9204:12
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY DỰNG, NGÓI, GẠCH ĐÁ ỐP LÁT		
115	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09
116	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
117	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
118	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
119	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
120	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
121	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:2009
122	Gạch Bê tông: Thử nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ rỗng; độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16; ASTM C140, C426
123	Gạch terrazo: Ngoại quan và sai lệch kích thước.	TCVN 7744:2013
124	Gạch terrazo: Độ hút nước bề mặt, độ chịu mài mòn sâu, độ bền thời tiết, độ bền uốn, hệ số ma sát	TCVN 7744:2013
125	Thử nghiệm cơ lý gạch lát xi măng, granito: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, tải trọng uốn gãy toàn viên gạch, độ cứng, độ chịu mài mòn	TCVN 6065:1995
126	Thử nghiệm cơ lý gạch lát xi măng, granito: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định độ mài mòn, xác định độ chịu lực va đập xung kích, xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
127	Thử nghiệm ngói gốm tráng men	TCVN 9133:11 TCVN 7195: 02



128	Thử nghiệm đá ốp lát tự nhiên, nhân tạo	TCVN 4732: 07 TCVN 8057: 09
129	Sai lệch kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt gạch ốp lát	TCVN 6415-2: 05
130	Độ hút nước gạch ốp lát	TCVN 6415-3: 05
131	Độ bền uốn gạch ốp lát	TCVN 6415-4: 05
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
132	Xác định hàm lượng cặn không tan, muối hòa tan	TCVN 4506:12
133	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:96; ISO 8467:93
134	Độ pH	22 TCN 61-84; TCVN 6492:2011
135	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương
Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

PHẦN II: THÔNG TIN CHUNG

TÊN ĐƠN VỊ: Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

*** ĐỊA CHỈ:**

- Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, TP Hải Dương.
- Địa chỉ giao dịch: Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, TP Hải Dương.

Số điện thoại: 0220.3897.937

Fax: 0220.3897.937

Di động: 0975.220.951 - 0963.232308

Mã số thuế : 0800390503

Tài khoản số : 2300421101310072

Tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương.

*** NƠI THÀNH LẬP:** Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

*** CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; thử nghiệm, kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, bê tông bằng phương pháp phá hủy và không phá hủy; thử nghiệm, kiểm tra chất lượng kim loại, mối hàn bằng phương pháp cơ lý và siêu âm; thử nghiệm, kiểm tra chất lượng nền móng, nền đường, bãi cảng, nén tĩnh nền, nén tĩnh cọc bê tông cốt thép; tư vấn thiết kế, lập dự án các công trình giao thông; tư vấn lập quy hoạch mạng lưới giao thông; tư vấn lập hồ sơ mời thầu các công trình giao thông; tư vấn thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán các công trình giao thông; giám sát thi công công trình giao thông; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng; san lấp mặt bằng công trình; khảo sát địa chất công trình; khảo sát địa hình; tư vấn thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, dân dụng, công nghiệp; tư vấn lập dự án, dự toán, hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông; dịch vụ kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương
Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

BẢNG KÊ SỔ LƯỢNG CHUYÊN MÔN VÀ KỸ THUẬT

Tổng số cán bộ:	30
Trong đó:	
1. Cán bộ quản lý:	03 người
2. Cán bộ chuyên môn:	11 người
3. Cộng tác viên:	16 người
Trình độ chuyên môn:	
1. Trình độ trên đại học:	02 người
2. Trình độ đại học:	19 người
3. Trình độ cao đẳng:	06 người
4. Trình độ trung cấp:	03 người

STT	Trình độ chuyên môn	S.lượng	Thâm niên Dưới 5 năm	Thâm niên Từ 5 – 10 năm	Thâm niên trên 10 năm
1	KS Xây Dựng	05	03	01	01
2	Kiến trúc sư	02		02	
3	KS Giao thông	06	02	03	01
4	KS Thủy lợi	02	01	01	
5	KS Địa chất, địa hình	03		02	01
6	Cử nhân Kinh tế	02	01	01	
7	Kỹ sư điện	01	01		
8	Kỹ sư vật liệu	02	02		
9	Cán bộ thí nghiệm	05	02	03	
	Tổng	28	12	13	03

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương
Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

BỐ TRÍ NHÂN SỰ PHÒNG TƯ VẤN

Tổng số cán bộ: 05 người.

1. Ông: Lâm Nhã Ngôn

Ngày, tháng, năm sinh: 08/12/1977 Quê Quán: Hồ Chí Minh

Chức vụ: Trưởng Phòng

Trình độ chuyên môn: Ks Xây dựng

2. Ông: Phạm Văn Mạnh

Ngày, tháng, năm sinh: 18/08/1980 Quê Quán: Hà Nam

Chức vụ: Phó Phòng

Trình độ chuyên môn: Ks Cầu Đường

3. Ông: Nguyễn Xuân Thao

Ngày, tháng, năm sinh: 28/02/1982 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Kỹ Thuật

Trình độ chuyên môn: Ks Xây Dựng

4. Ông: Cao Văn Tuấn

Ngày, tháng, năm sinh: 10/06/1973 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Kỹ Thuật

Trình độ chuyên môn: Ks Giao Thông

5. Ông: Đỗ Duy Hưng

Ngày, tháng, năm sinh: 21/12/1980 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Kỹ Thuật

Trình độ chuyên môn: Ks Đường Bộ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

PHẦN IV: TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC TƯ VẤN

TT	Tên và nhãn hiệu của thiết bị	Số lượng	Năng lực hoạt động	Thuộc sở hữu
I	Thiết bị phục vụ thiết kế			Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207, Mã số LAS - XD624
1	Máy vi tính (Nhật)	15	Tốt	
2	Máy in Canon LBP 3200	3	Tốt	
3	Máy in Canon LBP 2900	3	Tốt	
4	Máy quét (Scanner)	1	Tốt	
5	Máy in màu A4 (Canon)	1	Tốt	
II	Thiết bị phục vụ khảo sát địa hình			
1	Máy thăng bằng LAIKA 720- Thụy sĩ	1	Tốt	
2	Máy toàn đạc điện tử SOKIA – Nhật	1	Tốt	
3	Máy thăng bằng tự động (Nhật)	1	Tốt	
4	Máy vi tính Pentum III	5	Tốt	
5	Máy in Canon LBP 3200	3	Tốt	
6	Máy in Canon LBP 1210	3	Tốt	
7	Máy THEO 02A (CH dân chủ Đức)	1	Tốt	
III	Thiết bị khảo sát địa chất			
1	Máy khoan khảo sát XY-1	2	Tốt	
IV	Thiết bị thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý		Tốt	
V	Thiết bị phục vụ văn phòng			
1	Máy vi tính (Nhật)	3	Tốt	
2	Máy tính xách tay (HP)	3	Tốt	
3	Máy photo copy	1	Tốt	
4	Máy in canon	1	Tốt	
5	Máy ảnh kỹ thuật số	2	Tốt	

PHẦN V. BỐ TRÍ NHÂN SỰ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Tổng số cán bộ: 07 người.

1. Ông: Đoàn Văn Mười

Ngày, tháng, năm sinh: 06/12/1982 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Trưởng Phòng

Trình độ chuyên môn: Ks Mỏ Địa Chất

2. Ông: Lê Hồng Quân

Ngày, tháng, năm sinh: 01/12/1970 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Phó Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Mỏ địa chất

3. Ông: Đoàn Văn Dương

Ngày, tháng, năm sinh: 10/11/1976 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Thí nghiệm viên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đường bộ

4. Ông: Đặng Duy Chương

Ngày, tháng, năm sinh: 16/07/1993 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Thí nghiệm Viên

Trình độ chuyên môn: Trung cấp nghề

5. Ông: Nguyễn Trần Trung Hiếu

Ngày, tháng, năm sinh: 26/06/19918 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Thí nghiệm Viên

Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ nghề thí nghiệm

6. Ông: Phạm Thanh Bách

Ngày, tháng, năm sinh: 18/02/2000 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Thí nghiệm Viên

Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ nghề thí nghiệm

7. Ông: Phạm Khắc Long

Ngày, tháng, năm sinh: 18/08/1990 Quê Quán: Hải Dương

Chức vụ: Thí nghiệm Viên

Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ nghề thí nghiệm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHÒNG THÍ NGHIỆM

1. Phương tiện đo lường

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo Cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn	Ngày kiểm định hiệu chuẩn lần cuối	Cơ quan kiểm định hiệu chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn	(0÷1000) kN	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm kéo uốn thép, nén bê tông
2	Máy nén đất tam liên GJI-800	(0÷2400) N	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm đất
3	Máy cắt đất	(0÷1200) N	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm đất
4	Đồng hồ đo chuyển vị	(0-10)/0.01mm	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ các thí nghiệm trong phòng
5	Đồng hồ đo chuyển vị	(0-50)/0.01mm	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ các thí nghiệm trong phòng
6	Cân điện tử HBA-3000	Khả năng cân: 3000 g, độ phân giải: 0.01g	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ chung các TN
7	Cân điện tử	Khả năng cân: 15kg độ phân giải: 0.1 g; 30kg, độ phân giải: 0.5 g	1 năm	10/2024	Đo lường HNTEST	Phục vụ chung các TN
8	Kích thủy lực	(0-320)kN	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm hiện trường
9	Kích thủy lực	(0-2000)kN	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm hiện trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

10	Máy nén thủy lực kích tay 100 kN	2 bảng lực (0-10) kN và (0-100 kN)	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm vữa, xi măng
11	Thiết bị đo độ dẫn dài nhựa đường		1 năm	10/2024	Đo lường HNTEST	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa
12	Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường		1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa
13	Vòng đo lực máy nén Marshall – Cung lực 30kN	(0:-30) kN	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa
14	Máy chiết nhựa ly tâm		1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa
15	Thiết bị đo độ hóa mềm		1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa
16	Máy thử độ bền nén bê tông	(0÷2000) kN	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm vữa, xi măng
17	Máy nén CBR Vòng đo lực 50kN (Máy nén CBR)	(0:-50) kN	1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm Đất, cát, cấp phối
18	Máy thử mài mòn Los Angeles		1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ thí nghiệm cấp phối
19	Lò nung		1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ chung các TN
20	Bộ đo và điều khiển nhiệt độ tủ sấy		1 năm	9/2024	Đo lường Miền Bắc	Phục vụ chung các TN
21	Máy hút chân không		1 năm	10/2024	Đo lường HNTEST	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa
22	Áp kế máy thử thấm bê tông		1 năm	10/2024	Đo lường HNTEST	Phục vụ thí nghiệm bê tông xi măng
23	Cân đo		1 năm	10/2024	Đo lường	Phục vụ thí

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

	Benkelman				HNTEST	nghiệm mặt đường
24	Thiết bị xác định độ nhớt Saybolt của nhựa đường		1 năm	10/2024	Đo lường HNTEST	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa
25	Máy thí nghiệm độ nhớt Saybolt		1 năm	10/2024	Đo lường HNTEST	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa
26	Thiết bị xác định độ nhớt động học		1 năm	10/2024	Đo lường HNTEST	Phục vụ thí nghiệm bê tông nhựa

2. Trang thiết bị khác

T T	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu KT của TB	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	Thiết bị đang sử dụng				
1	Thước kẹp	L =300 mm	2023		
2	Thước lá	L =500 mm	2023		
3	Bộ xilanh thử nén đập đá	2 loại đường kính 150 mm và 75 mm	2023		
4	Thùng thử lắng động cát, đá		2022		
5	Thùng định lượng tiêu chuẩn: 1, 2, 5, 10, 20 l		2022		
6	Kol thử đá		2022		
7	Bộ sàng cát tiêu chuẩn	F200mm (với các cỡ: 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 kèm đáy và nắp sàng)	2023		
8	Bộ sàng đá tiêu chuẩn	F300mm (với các cỡ: 100; 70; 40; 25; 20; 15; 10; 5 kèm đáy và nắp sàng)	2023		
9	Bảng so màu		2023		
10	Kol thử xếp cát		2023		
11	Thước đo hạt thoi dẹt		2023		
12	Khuôn 150 x 150 x 150mm	150 x 150 x 150mm	2023		
13	Khuôn thử uốn 150 x 150 x 600	150 x 150 x 600	2023		
14	Khuôn 200 x 200 x 200mm	200 x 200 x 200mm	2022		
15	Bộ côn thử độ sụt bê tông		2023		
16	Bàn rung mẫu bê tông		2022		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

17	Kol thử độ lưu động vữa		2022		
18	Bình tam giác	Dung tích 500ml	2022		
19	Bình tam giác 1000ml	Dung tích 1000ml	2022		
20	Bình định mức 1000ml	Dung tích 1000ml	2022		
21	Bình định mức 500ml	Dung tích 500ml	2022		
22	Bình hút âm	đường kính 300 mm	2022		
23	Đồng hồ bấm giây		2023		
24	Hộp nhôm lấy mẫu đất		2023		
25	Dao vòng	D 61.8	2023		
26	Dao cắt, gạt và lấy mẫu đất		2023		
27	Cối đầm Proctor tiêu chuẩn		2023		
28	Cối đầm Proctor cải tiến		2023		
29	Bộ sàng đất tiêu chuẩn	F200mm (với các cỡ: 20; 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1; 0,074 kèm đáy và nắp sàng)	2023		
30	Tỷ trọng kế		2019		
31	Chảo trộn mẫu		2023		
32	Bay trộn		2023		
33	Pipet 10ml		2022		
34	Phễu thủy tinh	f50 và f100	2022		
35	Bình tỷ trọng 100 ml	Thể tích 100 ml	2022		
36	Dụng cụ Vaxiliep		2022		
37	Dụng cụ đo góc nghỉ cát		2022		
38	Bếp cách cát (bao gồm bếp + khay)		2022		
39	Nhiệt kế thủy tinh 0-100°C	0-100°C	2023		
40	Thiết bị Kasagrande		2023		
41	Tấm kính nhám		2023		
42	Tấm kính kỹ thuật		2023		
43	Cối chàay sứ		2023		
44	Cối chàay đồng		2023		
45	Khay đựng mẫu	30x40 cm	2023		
46	Khuôn CBR		2023		
47	Tấm giãn cách		2023		
48	Dụng cụ thử thấm đất Nam Kinh (bao gồm bình nước, bảng treo cột nước, cột nước và các loại ống dẫn nước, van nước, thước của Việt nam)	Model: TST -55	2019	HDSĐ	
49	Thiết bị ép tĩnh nền đường (thiết bị đồng bộ)		2023	HDSĐ	
50	Phễu rót cát (bao gồm: tấm dung trọng hiện trường, búa, đục thép,		2023		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

	búa cao su)				
51	Bộ dao đai lấy mẫu hiện trường theo ASTM		2023		
52	Bộ đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát		2023		
53	Thước thẳng 3m (đồng bộ)		2022		
54	Máy đo điện trở đất		2022		
55	Máy siêu âm cọc khoan nhồi Hãng sx: Pile Dynamics - USA	Model :Cross- Hole Analyzer	2019	HDSĐ	
56	Bàn dẫn vữa quay tay + côn + chày đầm		2022		
57	Thùng hấp mẫu xi măng		2022		
59	Khuôn Le Chatelie		2022		
60	Khuôn 40x40x160 mm	40x40x160 mm	2022		
61	Bay chảo trộn		2022		
62	Bình tỷ trọng 250 ml		2008		
63	Sàng xi măng	đường kính 200mm, lỗ sàng: 0,08 mm	2022		
64	Bộ gồi uốn - nén mẫu xi măng		2011		
65	Dụng cụ kiểm tra độ lưu động của vữa		2011		
66	Máy trộn mẫu xi măng		2011		
67	Dàn khoan tay kỹ thuật		2021		
68	Dàn khoan xử lý cọc khoan nhồi xi măng cát		2021		
70	Bộ gồi uốn - nén mẫu gạch		2021		
B	Thiết bị mới bổ sung				
I	Thiết bị thí nghiệm bê tông				
1	Thiết bị hàm lượng bọt khí bê tông		2024		
2	Nhớt kế Vebe		2024		
3	Phễu đo khả năng thấm của gạch block bê tông, ngói lợp các loại		2024		
4	Thạch cao khan, Sika gia cố nhanh mẫu thử 24h		2024		
5	Bể đun nhiệt xác định độ hút nước		2024		
6	Máy mài mòn bê tông, gạch		2024		
II	Thiết bị thí nghiệm nhựa đường				
1	Thiết bị xác định độ nhớt nhựa đường		2024		
2	Bộ thí nghiệm xác định hàm lượng Paraphin		2024		
3	Nhớt kế Saybolt Furol		2024		
4	Nguồn điện một chiều 12V, một mi-li-am-pe kế và một biến trở		2024		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

5	Điện cực; Bộ phận cách điện		2024		
6	Dung dịch ethoxylated nonylphenol		2024		
7	Sàng D 76,2 mm, lỗ vuông cỡ 300 mm		2024		
8	Bộ thí nghiệm chng cát nhựa đường		2024		
9	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa, Model: SYD-3536		2024		
10	Cân phân tích 210 gx 0,001 g		2024		
11	Đồng hồ bấm giây		2024		
12	Bình hút chân không		2024		
13	Cốc thủy tinh 250ml		2024		
14	Cốc thủy tinh 1500ml		2024		
15	Cốc thủy tinh 1000ml		2024		
16	Đũa thủy tinh		2024		
17	Bình trụ định mức 500ml		2024		
18	Bình trụ định mức 100ml		2024		
19	Bình trụ định mức 50ml		2024		
20	Nhiệt kế thủy tinh 0-100°C		2024		
21	Nhiệt kế thủy tinh 0-400°C		2024		
III	Thí nghiệm hiện trường				
1	Thiết bị CBR hiện trường		2024		
2	Bộ lấy mẫu xuyên tiêu chuẩn (SPT)		2024		
3	Khung thử nén ống cống, nắp hố ga, song chắn rác		2024		
4	Thiết bị thử còng độ bê tông bằng phương pháp bật nảy		2024		
5	Máy siêu âm bê tông Model: C369N Khoảng đo: 0 ~ 4500mgây		2024		
6	Máy toàn đạc điện tử Model: GTS - 102N Độ chính xác đo góc: +2"; góc đọc 1 " Độ chính xác đo cạnh: + (2+2ppm x D)mm Độ phóng đại: 30 X Bù nghiêng trực đứng : + 3' Khoảng cách đo xa nhất: 2700 mét Thiết bị đồng bộ		2024		
7	Máy thủy chuẩn Model: AE-7C Độ chính xác: + 1mm/1km trên cả hai chiều đi và về Thiết bị đồng bộ		2024		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207
Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương
Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308



PHỤ LỤC

CÁC GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CÁC VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (Số): HN007305

Tên phương tiện đo (Object): **Máy hút chân không**

Kiểu (Type): FY 1.5C-N

Số (Serial No): N/A

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: =76 cmHg -:- 0

Giá trị vạch chia: 2cmHg

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 76:2001

Đồng hồ đo áp suất – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Phạm vi đo: 0 ~ 700 bar

Độ chính xác: $\pm 0.05 \%FS$, độ phân giải chỉ thị 0.01 bar

Được liên kết chuẩn với tổng cục TCĐLCL

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due): 02 – 10 – 2025

Ngày 02 tháng 10 năm 2024

(Date of Calibration)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of the calibration Laboratory)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Chí Thuận

Giám đốc

(Director)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Linh

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)



Giá trị đồng hồ (kg/cm ²)	Áp kế chuẩn (kg/cm ²)
-76.0	-76.2
-50.0	-50.1
-40.0	-40.1
-30.0	-30.0
-20.0	-20.0
-20.0	-20.0
-10.0	-10.0
0	0

- * Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$
- * Với độ không đảm bảo đo (*With the uncertainty of*): $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$
- * Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (Số): HN007303

Tên phương tiện đo (Object): **Áp kế máy thử thấm bê tông**

Kiểu (Type): Lò xo Số (Series N°): 170707/HC66510339845

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 4) Mpa
Độ chia: d = 0.05;

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 76 – 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Áp kế – quy trình hiệu chuẩn
Áp kế hiển thị số DPI 104
Phạm vi đo: (0 ÷ 700) bar
Độ chính xác: ±0.05%FS, độ phân giải chỉ thị 0.01bar,
Được liên kết chuẩn với Tổng cục TCĐLCL

Kết quả (Result): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due): 02 – 10 – 2025

Ngày 02 tháng 10 năm 2024
(Date of Calibration)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Nguyễn Chí Khuân

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)



STT	Giá trị áp suất trên áp kế cần hiệu chuẩn (Mpa)	Giá trị áp suất trên áp kế chuẩn (Mpa)		Sai số khi áp suất tăng (Mpa)	Sai số khi áp suất giảm (Mpa)
		Áp suất khi tăng	Áp suất khi giảm		
1	0	0	0	0	0
2	0,60	0,61	0,61	- 0,01	- 0,01
3	1,20	1,22	1,22	- 0,02	- 0,02
4	1,80	1,84	1,82	- 0,04	- 0,02
5	2,40	2,45	2,43	- 0,05	- 0,03
6	3,00	3,06	3,04	- 0,06	- 0,04
7	3,60	3,67	3,66	-0,07	- 0,06

Phương trình hiệu chuẩn:

$$P_{\text{thực}} = 0,00167 + 1,01786 * P_{\text{đo}}$$

Trong đó:

$P_{\text{thực}}$: là giá trị áp suất chỉ thị trên áp kế cần hiệu chuẩn (Mpa)

$P_{\text{đo}}$: là giá trị áp suất trên chuẩn (Mpa)

* Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (№): HN007302

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị đo giãn dài nhựa đường**

Kiểu (Type): N/A Số (Serial №): N/A

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tiêu chuẩn TCVN 7496:2005

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương

Phương pháp thực hiện (In accordance with): MB. M – 07.19

Thiết bị đo giãn dài nhựa đường – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.02 – Thước

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due): 02 – 10 – 2025

Ngày 02 tháng 10 năm 2024
(Date of Calibration)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Nguyễn Chí Thuận



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN **(CALIBRATION RESULTS)**



• Khoảng dải dài Max: 1500 mm

• Tốc độ 50 mm/ phút

• Kích thước khuôn:

Chiều dày: 10 mm

- Khoảng cách giữa hai chốt lắp khuôn: 113 mm
- Khoảng cách giữa hai đỉnh trong: 75,4 mm
- Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn: 10 mm

Bộ phận gia nhiệt: 25 °C

Độ đo không đảm bảo (*With the uncertainty of*): $U=1,5 \times 10^{-2}$ (P=95% ; K=2)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (Số): HN007301

Tên phương tiện đo (Object): **Cần đo Benkelman**

Kiểu (Type): N/A Số (Serial N°): N/A

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): TCVN 8867 : 2001 ; AASHTO T256

Tỷ lệ truyền 2/1

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương

Phương pháp thực hiện (In accordance with): M.07 - 2011

Cần đo Benkelman – Quy trình hiệu chuẩn (Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): M.TB3.11 – Căn mẫu cấp 1

Độ không đảm bảo đo $0,2 \times 10^{-2}$

- Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 28°C
- Tỷ lệ truyền 2/1

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due): 02 – 10 – 2025

Ngày 02 tháng 10 năm 2024
(Date of Calibration)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Nguyễn Chí Thuận



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION RESULTS)



	Số đọc trên đồng hồ so (mm)	Giá trị đặt trên UDT - 2 (mm)
1	0,49	1,00
2	0,98	2,00
3	1,47	3,00
4	1,97	4,00
5	2,46	5,00
6	2,96	6,00
7	3,45	7,00
8	3,95	8,00
9	4,44	9,00
10	4,94	10,00

- Độ không đảm bảo đo $0,2 \times 10^{-2}$
- Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 28°C
- Tỷ lệ truyền 2/1

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (Số): HN007308

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị xác định độ nhớt Saybolt của nhựa đường**

Kiểu (Type): SYD – 0623/256E

Số (Series no): 230952

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: TCVN 8817: 2011

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 109 – 2002

Thiết bị xác định độ nhớt Saybolt của nhựa đường – Quy trình hiệu chuẩn

Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 8817: 2011

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due): 02 – 10 – 2025

Ngày 02 tháng 10 năm 2024

(Date of Calibration)

Giám đốc

(Director)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Nguyễn Chí Thuận



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (Số): HN007307

Tên phương tiện đo (Object): Máy thí nghiệm độ nhớt Saybrot

Kiểu (Type): LHSBT - 0623 Số (Series No): 230951

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 240) °C

Độ phân giải (Resolution): 0.1 °C

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương

Phương pháp thực hiện (In accordance with): TCVN 8817-2: 2011

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT (SPRT), 5627/Hart Scientific/USA, U = 0.025 °C

Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ (Temperature Calibrator), 525A/Fluke/USA, U = 50 ppm

Hệ thống chuẩn trên đã được liên kết với chuẩn quốc gia

(Standards were traceable to the National Standard System)

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C	50.0	100.0	150.0	200.0
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated value)/°C	49.8	100.1	150.5	201.0
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/°C	- 0.2	+ 0.1	+0.5	+ 1.0


Độ không đảm bảo đo (Measurement uncertainty): 1 °C (k = 2; P = 95%)

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due): 02 - 10 - 2025

Ngày 02 tháng 10 năm 2024

(Date of Calibration)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Nguyễn Chí Thuận



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (Mã): HN007306

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): HBA-3000 Số (Serial Mã): N/A

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Vibra - Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất $M_{max} = 3 \text{ kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất: $d = 0,01 \text{ g}$

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương

Phương pháp thực hiện (In accordance with): M.31 - 10

Cân kỹ thuật - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): M.TB1.09

Bộ quả cân E2 được kết nối với VMI

Kết quả (Results):

TT	Mức cân (g)	Số chỉ của cân (g)	Sai số (g)
1	0.0	0000.0	0.0
2	600.0	599.01	-0.01
3	1200.0	1200.01	0.01
4	1800.0	1800.00	0.00
5	2400.0	2400.01	0.01
6	2800.0	2800.01	0.01

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$; $k=2$, mức tin cậy 95%

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due): 02 - 10 - 2025

Ngày 02 tháng 10 năm 2024
(Date of Calibration)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Nguyễn Chí Thuận

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (Mã): HN007300

Tên phương tiện đo (Object): Bộ đo và điều khiển nhiệt độ tử sậy

Kiểu (Type): N/A Số (Serial No): N/A

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (MT ÷ 300) °C

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 138 – 2004

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT (SPRT), 5627/Hart Scientific/USA, U = 0.025 °C

Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ (Temperature Calibrator), 525A/Fluke/USA, U = 50 ppm

Hệ thống chuẩn trên đã được liên kết với chuẩn quốc gia

(Standards were traceable to the National Standard System)

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C	50.00	100.00	150.00	250.00
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated value)/°C	50.00	99.50	149.00	249.50
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/°C	0.00	0.50	1.00	0.50

Độ không đảm bảo đo (Measurement uncertainty): 1 °C (k = 2; P = 95%)

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due): 02 – 10 – 2025

Ngày 02 tháng 10 năm 2024
(Date of Calibration)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Nguyễn Chí Thuận



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (Số): 24HI 7244/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén tam liên
Kiểu (Type): GJI-800 Số (Serial No) / Mã QL(Tag): No): 0241

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo:
Cung lực (0 ÷ 2400) N; Tỷ lệ chuyển lực: 1/10.
Cung lực (0 ÷ 2000) N; Tỷ lệ chuyển lực: 1/12.
Tiết diện dao vòng: 50Cm² và 30Cm²

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 24H 7244/MB.CN

Cấp tải (Kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn, N		
		Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Tiết diện dao vòng: 50 cm ² ; Tỷ lệ chuyển lực: 1/10				
0	0	0	0	0
12.5	37.5	37.31	38.12	38.32
25	75	74.54	76.12	76.90
50	150	149.34	105.27	149.09
100	300	299.12	303.21	300.34
200	600	599.80	606.09	602.55
300	900	900.31	901.30	902.67
400	1200	1203.52	1203.78	1200.12
800	2400	2399.61	2401.23	2429.10
Tiết diện dao vòng: 30 cm ² ; Tỷ lệ chuyển lực: 1/12				
0	0	0	0	0
12.5	62.5	62.42	62.22	64.24
25	125	124.27	126.89	127.18
50	250	250.12	253.21	255.36
100	500	502.16	503.67	502.88
200	1000	1011.02	1009.28	1012.65
400	2000	2001.76	2003.09	2012.12

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 0.8 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 0.8 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**
(Measurement & Testing Certificate)

Số (№): 24ĐT 3111/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường

Kiểu (Type): DF-6 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 15867B

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Theo AASHTO T49, ASTM D5, TCVN 7495:2005

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY
DỰNG 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 05.19

Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.02 – Thước; Cân điện tử

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiên Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGD: Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Testing Results)

Kèm theo giấy chứng nhận kết quả đo số (attached to certificate №): 24ĐT 3111/MB.CN

- | | |
|---|------------|
| - Đường kính thân kim: | 1.05mm |
| - Chiều dài kim: | 49.57 mm |
| - Khối lượng trục kim và kim: | 50.0g |
| - Khối lượng quả tải trọng: | 50.052g |
| - Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature) | (24 ± 2)°C |



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 24H 7247/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền kéo nén

Kiểu (Type): WE - 1000B Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 074

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 200) kN, d = 0,5 kN
Phạm vi đo: (0 ÷ 500) kN, d = 1 kN
Phạm vi đo: (0 ÷ 1000) kN, d = 2 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh
Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2; P \approx 95\%$)
Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 09 - 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)



Kết quả theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 24H 7247/MB.CN

Chỉ thị trên máy (kN)	Lực đo được (kN)	Chỉ thị trên máy (kN)	Lực đo được (kN)
Thang đo (0 ÷ 1000) kN d = 2 kN		Thang đo (0 ÷ 500) kN d = 1 kN	
0	0.00	0	0.00
200	199.98	100	99.06
400	398.36	200	199.24
600	579.20	300	298.63
800	799.12	400	398.63
900	899.56	450	448.80
Thang đo (0 ÷ 200) kN d = 0,5 kN			
0	0.00		
40	40.32		
80	80.23		
120	119.68		
160	161.08		
180	181.12		

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 1,0 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 24H 7238/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy nén Marshall- Cung lực 30kN

Kiểu (Type): T16 100 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): R160326

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 30) kN
Đồng hồ 0-10mm/0.01mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No) : 24H 7238/MB.CN

STT	Giá trị chỉ thị (vạch)	Lực đo được trung bình (kN)
1	0	0
2	19	2.624
3	39	5.051
4	59	7.603
5	76	9.872
6	118	15.036
7	158	20.001
8	200	25.033

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = -0.0286x^2 + 130.68x + 46.361$$

$$x = 0.00000001y^2 + 0.0076y - 0.3163$$

y là tải đo được (KN) và x là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (vạch x 0.01mm)

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:

$$U = 0,8.10^{-2}, k = 2, \text{ mức tin cậy } P \approx 95\%.$$

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty

is: $U = 0,8.10^{-2}, k = 2, P \approx 95\%$).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): 24H 7243/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực 50kN (Máy nén CBR)

Kiểu (Type): CBR-1 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): E2849

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 50) kN
Đồng hồ so (0 ÷ 10) mm; giá trị độ chia: 0.01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Cơ sở sử dụng (Customer):

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,24\%$ ($k = 2; P \approx 95\%$)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 09 - 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng



PGĐ: Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 24H 7243/MB.CN

Giá trị đọc trên phương tiện đo Vạch 0.01mm	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn KN
0	0
21	5
44	10
67	15
89	20
112	25
134	30
157	35
180	40
202	45

***Phương trình hiệu chuẩn:**

$$y = -0.00001x^2 + 0.2237x + 0.1325$$

$$x = 0.0009 y^2 + 4.4682y - 0.5818$$

y là tải đo được (KN) và x là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (vạch x 0.01mm)

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8\%$,
 $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 0,8\%$,
 $k = 2$, $P \approx 95\%$).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội.

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**
(Measurement & Testing Certificate)

Số (№): 24ĐT 3112/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object) Máy chiết nhựa ly tâm

Kiểu (Type): T16 106

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 160332

Nơi sản xuất (Manufacturer): T-Tech

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tốc độ quay: 0 – 2800 v/ph

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải
Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-24.19

Máy chiết nhựa – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB03– Thiết bị đo tốc độ vòng quay

Thước kẹp chuẩn

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Hiệu lực đến (Valid until):

15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGD: Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Testing Results)

Kèm theo giấy chứng nhận đo thử nghiệm số (attached to certificate №) : 24ĐT 3112/MB.CN

STT	Đặc trưng kỹ thuật	Giá trị đo được
01	Tốc độ quay 2900 vòng /ph	(2790 ÷ 2800) vòng/ phút
02	Đường kính nồi	(310 ÷ 311) mm
03	Chiều cao nồi	(109 ÷ 110)mm



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**
(Measurement & Testing Certificate)

Số (Số): 24ĐT 3114/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo độ hóa mềm

Kiểu (Type): DF-12 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 150177D

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7572:2006
Phạm vi điều nhiệt: (0 - 100) °C
Độ phân giải: 1 °C

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 06.19
Thiết bị hóa mềm nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị đo nhiệt độ hiện số Fluke 52 II

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM (Testing Results)

Kèm theo giấy chứng nhận kết quả đo số (attached to certificate №): 24ĐT 3114/MB.CN

Giá trị đặt (°C)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (°C)	Giá trị đọc trung bình trên chuẩn (°C)	Sai số (°C)
48	48,0	47,8	0,2
50	50,0	49,8	0,2
100	100,0	99,9	0,1



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (№): 24H 7249/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén

Kiểu (Type): TYE – 2000 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 002

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 – 800) kN: d = 2.5 kN
(0 – 2000) kN: d = 5 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)**

Hoàng Tiến Dũng

**TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)**



PGĐ. Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 24H 7249/MB.CN

TT	Giá trị chỉ thị (kN)	Lực đo được (kN)
Thang đo (0÷800kN)		
1	0.0	0.00
2	100.0	98.99
3	150.0	150.98
4	250.0	251.98
5	400.0	399.21
6	500.0	503.10
7	700.0	699.22
Thang đo (0÷2000kN)		
1	0.0	0.00
2	200.0	201.80
3	400.0	403.22
4	600.0	602.56
5	800.0	798.25
6	1000.0	1003.77
7	1200.0	1206.10
8	1400.0	1405.35
9	1600.0	1608.50

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 1.0 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (Số): 24H 7239/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén

Kiểu (Type): TYE – 2000 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 035

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 – 800) kN: d = 2.5 kN
(0 – 2000) kN: d = 5 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №) : 24H 7239/MB.CN

TT	Giá trị chỉ thị (kN)	Lực đo được (kN)
Thang đo (0÷800kN)		
1	0.0	0.00
2	100.0	98.89
3	150.0	150.78
4	250.0	252.00
5	400.0	397.21
6	500.0	503.22
7	700.0	698.22
Thang đo (0÷2000kN)		
1	0.0	0.00
2	200.0	201.72
3	400.0	403.22
4	600.0	603.23
5	800.0	798.25
6	1000.0	1003.44
7	1200.0	1207.12
8	1400.0	1406.35
9	1600.0	1608.17

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 1.0 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \%$, $k = 2$, $P \approx 95\%$)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): 24H 7242MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân đĩa điện tử 15kg

Kiểu (Type): ALC-15D Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): DD160869

Nơi sản xuất (Manufacturer): Ohaus- Mỹ

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất $P_{max}=15$ kg
Giá trị độ chia nhỏ nhất; $d=0.5$ g

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải
Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với Cục
Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	2 000.0	2 000.0	0.0
3	5 000.0	5 000.0	0.0
4	10 000.0	10 000.5	-0.5
5	15 000.0	15 000.0	0.0

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0$ %, $k =$
mức tin cậy $P \approx 95\%$.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**
(Measurement & Testing Certificate)

Số (№): 24ĐT3113/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử mài mòn Los Angeles

Kiểu (Type): MLA-207 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 07129

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7572:2006

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-09.19
Máy mài mòn Los – Angeles – Phương pháp đo

Kết quả (Results):

TT	Thông số	Giá trị đo được
1	Tốc độ quay (vòng/phút)	32 ÷ 33
2	Đường kính bi (mm)	48 ÷ 49
3	Trọng lượng bi (g)	433÷440
4	Đường kính trong thùng chứa mẫu (mm)	712 ± 5
5	Chiều dài trong thùng chứa mẫu (mm)	508 ± 5

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): 24H 7237/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Lò nung

Kiểu (Type): SX2-2.5-10 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 14027

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-1000) °C

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207**

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh
Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19:2019

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,15^{\circ}\text{C}$

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	100.00	200.00	400.00	600.00	800.00
Giá trị hiển thị (°C)	101.00	202.00	398.00	603.00	796.00
Số hiệu chỉnh (°C)	-1.00	-2.00	+2.00	-3.00	+4.00

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 – 09 – 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng



PGĐ. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (No): 24H 7248/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Bộ đo và điều khiển nhiệt độ tủ sấy

Kiểu (Type): 101-2A Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 30619

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (10-300) °C
Độ phân giải 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG 207

Địa chỉ (Address): Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M -- 02.19
Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị đo nhiệt độ hiện số Fluke 52 II
Độ không đảm bảo đo, $U = 0,15^{\circ}\text{C}$

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	50.00	100.00	150.00	200.00	250.00
Giá trị hiển thị (°C)	49.70	99.60	147.0	198.30	247.90
Số hiệu chỉnh (°C)	0.30	0.40	3.00	1.70	2.10

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

15 - 09 - 2025

Hà Nội, Ngày 15 tháng 09 năm 2024
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Rector

Hanoi University of Mining and Geology

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Upon: (Mr. Ms) Doan Văn Muoi

Born on: 06/12/1982

Major in: Engineering Geology and Geotechnics

Ranking: Strong-pass

Mode of study: Full time

Serial number: _____

Reference number: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Hiệu trưởng

Trường Đại học Mỏ - Địa chất

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Danh hiệu: Bằng kỹ sư

Cho: Đoàn Văn Mười

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 06/12/1982

Ngành đào tạo: Địa chất công trình - Địa kỹ thuật

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2010



Số hiệu: 00087221

Số vào sổ cấp bằng: 50-0953

PGS.TS. Trần Đình Kiên

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----- 000 -----



CHỨNG NHẬN

Ông (bà): **Đoàn Văn Mười**
Sinh ngày: 06-12-1982
Nơi sinh: Hải Dương
Đã học xong chương trình: **Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng**
Hệ: **Tập trung**
Từ ngày: 26-11-2012 đến ngày: 30-11-2012

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2012

Giám đốc



Vào sổ DK số: 0183-2012

ThS. Bùi Đức Hưng

VIỆN ĐÀO TẠO STEC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN



Chứng nhận Ông (Bà): Đoàn Văn Mươi

Ngày sinh: 06/12/1982 Nơi sinh: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng:

“ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG ”

Từ Ngày: 15/09/2012 Đến Ngày: 18/09/2012

Tại: Hải Dương

Đạt loại: Giỏi

Hà Nội, Ngày 21 Tháng 09 Năm 2012.

GIÁM ĐỐC



Số CN: KĐ - 0129/12/STEC

HOÀNG VĂN NAM



BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
TRUNG CẤP NGHỀ



Cho: ĐẶNG DUY CHƯƠNG

Ngày sinh: 16/7/1993 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Ninh Giang - Hải Dương

Nghề đào tạo: Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ

Khóa học từ tháng 8 / 2011 đến tháng 3 / 2013

Tốt nghiệp loại: Khá

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 39 Quyển số: 02 SCT/BS
Ngày: 20 tháng 9 năm 2024 Hà Nội
TM. UBND XÃ HỒNG PHONG

Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Hiệu trưởng



Số hiệu bằng: 1589

PHÓ CHỦ TỊCH

Vào sổ cấp bằng: 21815 **ĐÀO ANH TUẤN**

Ngày 25 tháng 3 năm: 2013

Nguyễn Trọng Minh

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp
CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: *Đoàn Văn Dương*

Sinh ngày: *10/11/1976*

Nơi thường trú: *Hải Dương*

Trình độ chuyên môn:

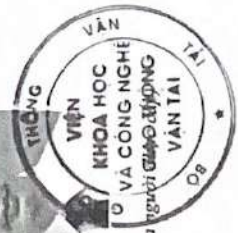
Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: *Xây dựng công trình giao thông*

Khóa: *01* Tổ chức: *03/01 ÷ 17/01/2023*

Xếp loại: *Khá*



(Chữ ký của người giao nhận)

CHỨNG CHỈ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số chứng chỉ: *15.19*...
Ngày: *18-10-2024*
Hà Nội, ngày *17* tháng *01* năm 2023
THÔNG
VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT



Số: 78.01.23/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN VINH

Đinh Văn Tiến
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT TRUNG ƯƠNG I

CẤP

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: **ĐOÀN VĂN TÚ**

Sinh ngày: 29/3/1989

Đã hoàn thành chương trình: **Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ**

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2018 đến ngày 13 tháng 6 năm 2018

Xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2018



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG ƯƠNG

Số hiệu: 14603

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 27787

Bùi Quốc Thịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT TRUNG ƯƠNG I

CẤP

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: **LÊ VĂN CHIẾN**

Sinh ngày: 04/02/1979

Đã hoàn thành chương trình: **Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ**

Từ ngày 16 tháng 4 năm 2018 đến ngày 16 tháng 7 năm 2018

Xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2018



Số hiệu: 14892

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 28076

Bùi Quốc Thịnh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

RECTOR
THE CENTRAL COLLEGE OF TRANSPORT No.1

has conferred

CERTIFICATE

LEVEL 1 OF VQF

Road bridge quality test and control

Upon: Mr. Nguyen Tran Trung Hieu

Date of birth: 26-Jun-1998

Graduation grade: Good

Hanoi, 31 Dec, 2022



Reg. No: 48989

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

cấp

CHỨNG CHỈ SO CẤP

Bậc 1

Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ

Cho: Nguyễn Trần Trung Hiếu Giới tính Nam

Ngày sinh: 26/6/1998

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 35805

Đông Anh Nam

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 48989



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp bằng

THẠC SĨ
KỸ THUẬT
(ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH)

Cho ông *Le Hồng Quân*
Sinh ngày 01/12/1970 tại Hải Dương

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2008
Hiệu trưởng



Le Hồng Quân

PGS.TS. *Trần Đình Kiên*



Số bằng: **000660**
Nº. A **045448**



THE RECTOR OF HANOI UNIVERSITY
OF MINING AND GEOLOGY

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. *Le Hong Quan*
Born 01st Dec. 1970 in Hai Duong

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
In Engineering Geology



Given under the seal of Hanoi University of Mining and Geology
this 31st day of December 2008

**VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY**



it is hereby certified that:

Mr. Le Hong Quan

Has successfully passed the Training Course on

***Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials***

In March – April 2006

Ref. N^o. 878.1/2006/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG**

Chứng nhận: Ông **Lê Hồng Quân**

Ngày sinh: 01/12/1970 - Quê quán: Hải Dương

Đơn vị: Cty CP Tư vấn QH & TKXD Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

***Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
kê tông và Vật liệu Xây dựng***

Thời gian tổ chức: Tháng 3-4 năm 2006

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2006

Viện trưởng

VIỆN KẾT NỐI XÂY DỰNG

VIỆN

KHOA HỌC

CÔNG NGHỆ

XÂY DỰNG

VIỆN

XÂY DỰNG

VIỆN

XÂY DỰNG

PGS., TS. Cao Duy Tiến

**VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY**



It is hereby certified that:

Mr. Le Hong Quan

Has successfully passed the Training Course on
Management of Construction Laboratory

In May 2007

Ref. N^o. 1998./2007/VKH - TNXD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG**

Chúng nhận: Ông **Lê Hồng Quân**

Ngày sinh: **01/12/1970** - Quê quán: **Hải Dương**

Cơ quan: Công ty TV QH và TK XD Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình tập huấn về:

**Quản lý Phòng Thí nghiệm
chuyên ngành Xây dựng**

Thời gian tổ chức : Tháng 5/2007

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2007

Viện trưởng



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

RECTOR

THE CENTRAL COLLEGE OF TRANSPORT No.1

has conferred

CERTIFICATE

LEVEL 1 OF VQF

Road bridge quality test and control

Upon: Mr. Phạm Khắc Long

Date of birth: 18-Aug-1990

Graduation grade: Good

Hanoi, 31 Dec, 2022



Reg. No: 48988

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Bậc 1

Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ

Cho: Phạm Khắc Long Giới tính Nam

Ngày sinh: 18/8/1990

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 35804

Đông Anh Nam

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 48988

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

RECTOR
THE CENTRAL COLLEGE OF TRANSPORT No.1

has conferred

CERTIFICATE

LEVEL 1 OF VQF

Road bridge quality test and control

Upon: **Mr. Phạm Thanh Bach**

Date of birth: **18-Feb-2000**

Graduation grade: **Good**

Hanoi, 31 Dec, 2022



Reg. No: 48987

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I
cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Bậc 1

Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ

Cho: **Phạm Thanh Bách** Giới tính **Nam**

Ngày sinh: **18/02/2000**

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 35803

Đông Anh Nam

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 48987

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

CÁC HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU
ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hải Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2021

HỢP ĐỒNG

Số: 11 /2021/HĐTN

VỀ VIỆC: THÍ NGHIỆM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

- Gói thầu số 01:** Thi công xây dựng các hạng mục: San nền, giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cây xanh tập trung, đấu nối giao thông
- Công trình:** Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới phía đông thành phố Chí Linh
- Địa điểm XD** Phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÍA GIA

và

CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD, ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình.

- Căn cứ hợp đồng số /HĐ-XD/2021 ngày / / 2021 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Thành Đông tại Chí Linh và Công ty Cổ phần Đầu tư Tía Gia về việc thi công xây dựng gói thầu số 01: Thi công xây dựng các hạng mục: San nền, giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cây xanh tập trung, đấu nối giao thông, công trình Hạ tầng kỹ thuật khu ĐTM phía đông thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Căn cứ yêu cầu công việc và khả năng thực hiện của hai bên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 02 năm 2021, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Tía Gia, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Bên giao (gọi tắt là bên A):

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÍA GIA**
Địa chỉ : Lô TM số 1, số 1 lô 19 đường Ngô Quyền khu ĐTM Tuệ Tĩnh phường Thanh Bình thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương
Người đại diện : **Trịnh Đức Thân** Chức vụ : Giám đốc
Mã số thuế : 0801289866
Số tài khoản : 113002712251 - Mở tại: Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh khu công nghiệp Hải Dương

2. Bên nhận (gọi tắt là bên B):

Tên đơn vị : **CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207**
Địa chỉ : Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Người đại diện : **Đoàn Văn Hiếu** Chức vụ : Giám đốc
Điện thoại : 02203 837 937
Mã số thuế : 0800390503



Tài khoản số : 2300421101310072 tại ngân hàng NN và PTNT tỉnh Hải Dương

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1 Nội dung công việc:

- Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện công tác tư vấn thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng thi công công trình tại hiện trường cũng như trong phòng thí nghiệm theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Gói thầu số 01: Thi công xây dựng các hạng mục: San nền, giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cây xanh tập trung, đấu nối giao thông, công trình Hạ tầng kỹ thuật khu ĐTM phía đông thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Khối lượng của công tác kiểm định đảm bảo theo đúng các yêu cầu của công tác thí nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định hiện hành của pháp luật và các yêu cầu thí nghiệm liên quan cần thiết khác của Chủ đầu tư hoặc bên A, đơn vị tư vấn giám sát chất lượng công trình và các đơn vị khác có liên quan.

Lập báo cáo kết quả thí nghiệm: 07 bộ gốc bằng tiếng Việt.

Điều 2: Thời gian thực hiện:

- Thời gian bắt đầu: Thời gian bắt đầu từ khi ký Hợp đồng.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Tính từ khi khởi công đến khi kết thúc công việc của gói thầu.
- Thời gian kết thúc: Được xác định khi ký thanh lý Hợp đồng.

Điều 3: Đơn giá và giá trị hợp đồng:

3.1 Hình thức hợp đồng:

- Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm:

$$G = 0,7\% \times Gxd$$

Trong đó:

G : Giá trị hợp đồng thí nghiệm;

0,7%: là tỷ lệ giá trị gói thầu thí nghiệm với giá trị khối lượng công việc xây dựng thực hiện;

Gxd : Giá trị khối lượng công việc xây dựng thực hiện được chủ đầu tư xác nhận, thanh toán.

3.2 Giá trị hợp đồng tạm tính:

$$G = 0,7\% \times 104.715.967.000 = 733.012.000 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi ba triệu, không trăm mười hai nghìn đồng)

Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%, các khoản thuế và phí khác.

Điều 4: Tạm ứng và thanh toán hợp đồng:

4.1. Tạm ứng và thanh toán

- Tạm ứng: Không thực hiện

0800
ĐỒNG THỜI
PHÂN
N, KIỂM
TRÌNH XÂY
207
NG-T

- Sau mỗi kỳ nghiệm thu thanh toán công trình và tiền của Chủ đầu tư đã chuyển về tài khoản của bên A, hai bên sẽ tiến hành đối chiếu công nợ để xác định giá trị thanh toán.

- Bên A sẽ chuyển trả cho bên B bằng 80% giá trị xác định trên công nợ sau khi bên A nhận được văn bản đề nghị thanh toán giai đoạn.

4.2. Thanh lý hợp đồng:

- Sau khi có biên bản bàn giao công trình cho Chủ đầu tư đưa vào khai thác sử dụng, hai bên tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày bên B hoàn thiện các thủ tục kiên quan đến việc thanh toán bao gồm: Biên bản đối chiếu công nợ; Hóa đơn VAT, Văn bản đề nghị thanh lý. Bên A sẽ thanh toán hết phần còn lại của hợp đồng cho bên B.

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.4. Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam.

Điều 5: Trách nhiệm khi các bên vi phạm hợp đồng:

- Khi một bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này, bên bị vi phạm sẽ gửi thông báo về nội dung vi phạm cho bên vi phạm. Trong thời hạn 07 ngày, bên vi phạm phải khắc phục nội dung vi phạm. Nếu quá thời hạn trên, bên bị vi phạm có quyền:

- Đình chỉ thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

- Yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh (nếu có) do hành vi vi phạm gây ra.

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

Điều 6: Bất khả kháng:

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các bên:

7.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- Lấy mẫu và vận chuyển mẫu đến phòng thí nghiệm đối với những phép thử phải tiến hành thí nghiệm trong phòng.

- Cung cấp thông tin cho bên B: Tên công trình, tên Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát.

19050
N
ĐỊNH
DỰNG
TÀI D

- Giao cho bên B các tài liệu liên quan tới công trình.
- Khi bên A yêu cầu làm thí nghiệm ngoài hiện trường cũng như các công việc liên quan đến thí nghiệm cần báo trước cho bên B trước 01 ngày.
- Cử cán bộ kỹ thuật phối hợp, giám sát công tác thí nghiệm cùng Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư.
- Đặt biển cảnh báo, phân luồng đảm bảo an toàn giao thông cho người và máy móc thiết bị của bên B khi bên B thực hiện các công việc thí nghiệm ngoài hiện trường (nếu có).
- Thanh toán cho bên B giá trị đã thực hiện công trình.

7.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- Chịu trách nhiệm về tư cách pháp nhân, dấu LAS của phòng thí nghiệm sử dụng cho công trình.
- Làm đúng, đủ các các mẫu thí nghiệm mà chủ đầu tư và tư vấn yêu cầu.
- Thực hiện thí nghiệm theo đúng các tiêu chuẩn thí nghiệm hiện hành.
- Đảm bảo thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng và đảm bảo chất lượng theo đúng các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.
- Hoàn thành hợp đồng theo đúng tiến độ.
- Cung cấp đầy đủ các chứng từ tài chính hợp lệ cho bên A.

Điều 8: Các điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2022

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/AP-TN/2022

Về việc: Thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng

Gói thầu 08: Thi công xây dựng nút giao QL.17B và đường trục Đông Tây từ Km5+486,10 đến Km6+926,89 - Công trình: Xây dựng đường trục Đông Tây trên địa bàn huyện Kim Thành, đoạn từ nút giao lập thể với QL.5 tại xã Kim Xuyên đến bùng binh xã Ngũ Phúc

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ AN PHÁT

Và

CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207



I. CÁC CĂN CỨ ĐỀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005;

Luật xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014;

Nghị định số 15/2021/NĐ - CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ - CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 37/2015/NĐ - CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ yêu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2022 chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Đại diện bên giao thầu (Bên A):

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư An Phát
- Địa chỉ : Số 189 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- VPGD : 17BT3 khu đô thị Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
- Đại diện : Ông: Nguyễn Triều Dương - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Điện thoại : 024 730 83869
- Tài khoản : 117002671186 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Thành An
- Mã số thuế : 0101504902

2. Đại diện bên nhận thầu (Bên B):

- Tên giao dịch : Công ty CP tư vấn kiểm định công trình XD 207
- Địa chỉ : Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện : Ông Đoàn Văn Hiếu - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 0975.220.951
- Tài khoản : 2300421101310072 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương.
- Mã số thuế : 0800390503
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0800390503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần thứ: 3, ngày 21/12/2017
- Công nhận phép thử: Giấy chứng nhận số: 745/GCN-BXD do Bộ Xây dựng cấp ngày 20/06/2019
- Chứng chỉ năng lực HDXD: Số: HAD-00018336 ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-SXD ngày 27/11/2018 và Quyết định số 86/QĐ-SXD ngày 23/03/2022 của Sở xây dựng Hải Dương.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng với những điều khoản sau:

III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Điều 1: Nội dung công việc phải thực hiện

Bên A giao cho bên B thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu & cấu kiện xây dựng gói thầu 08: Thi công xây dựng nút giao QL.17B và đường trục Đông Tây từ Km5+486,10 đến Km6+926,89 - Công trình: Xây dựng đường trục Đông Tây trên địa bàn huyện Kim Thành, đoạn từ nút giao lập thể với QL.5 tại xã Kim Xuyên đến bùng binh xã Ngũ Phúc, trong phạm vi các phép thử thuộc phòng LAS - XD 624 được phép thực hiện. Nội dung công việc bên B phải thực hiện cụ thể như sau:

1.1. Công tác thí nghiệm thông thường:

- Thí nghiệm vật liệu đầu vào: Cát, đá, thép, xi măng, đất,...
- Thiết kế thành phần cấp phối vữa xây, vữa bê tông.
- Thí nghiệm kiểm tra cường độ chịu nén mẫu bê tông, vữa.
- Thí nghiệm kiểm tra độ chặt hiện trường.
- Lốp cấp phối đá dăm, bê tông nhựa, tưới nhựa
- Và các thí nghiệm khác theo yêu cầu kỹ thuật của dự án.

(Không bao gồm các thí nghiệm kiểm tra thiết bị phục vụ thi công và một số thí nghiệm đặc biệt theo mục 1.2, Điều 1 dưới đây).

1.2. Công tác thí nghiệm đặc biệt: Bao gồm một số công tác thí nghiệm sau đây:

- Thí nghiệm nén tĩnh kiểm tra chất lượng cọc.
- Thí nghiệm vãi địa kỹ thuật.
- Thí nghiệm Bentonit.
- Thí nghiệm gói cầu cao su.
- Khoan qua ống kiểm tra lấy mẫu thí nghiệm và xác định chiều dày bùn lắng dưới chân cọc.
 - Thí nghiệm hần lún vệt bánh xe.
 - Thí nghiệm siêu âm.
 - Thí nghiệm thiết bị điện chiếu sáng.
 - Thí nghiệm thiết bị phục vụ thi công.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

Bên B phải thực hiện công tác thí nghiệm đúng yêu cầu kỹ thuật của dự án và các TCVN hiện hành.

Điều 3: Thời gian, tiến độ thực hiện:

Thời gian bắt đầu: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Thời gian thực hiện hợp đồng đến khi hoàn thành công trình.

Điều 4: Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng trọn gói được xác định bằng 0,3% giá trị xây lắp hoàn thành sau thuế thu được với Chủ đầu tư.

504902
CÔNG TY
PHÂN
NG VÀ ĐẦU
N PHÁT
TRUNG-T

- Giá trị hợp đồng (tạm tính): $83.630.866.000 \times 0.3\% = 250.893.000$ đ
(VBC: Hai trăm năm mươi triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn)
- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT.
- Giá trị hợp đồng chính thức sẽ được điều chỉnh trên giá trị mà bên A thanh toán với Chủ đầu tư và khối lượng thực tế mà bên B thực hiện được bên A nghiệm thu thanh toán, trong đó:
 - + Giá trị phần công tác thí nghiệm thông thường bằng $0.3\% \times GTXL$ (Tương ứng với giá trị hồ sơ thanh toán mà bên A ký với Chủ đầu tư).
 - + Giá trị phần thí nghiệm đặc biệt bằng khối lượng thực tế tại hiện trường nhân với đơn giá (Có phụ lục đơn giá kèm theo).

Điều 5: Thanh toán hợp đồng:

5.1. Thời hạn thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B đồng thời Bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư.

Việc thanh toán được thực hiện hàng tháng trên cơ sở giá trị Bên A được Chủ đầu tư thanh toán. Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở giá trị được Chủ đầu tư thanh toán nhân với 0,3%, bên A sẽ thanh toán đến 95% khối lượng hoàn thành cho bên B.

5.2. Thanh toán tiền bị giữ lại:

Bên A sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên B khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng.

5.3. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

b) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

5.4. Hồ sơ thanh toán:

- Bảng xác định giá trị thanh toán.
- Đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn thuế VAT 10%.

Điều 6: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc thì hai bên sẽ thương lượng với nhau để giải quyết theo đúng các quy định của pháp luật nếu không thương lượng được với nhau thì sẽ đưa ra toà án kinh tế Hải Dương để giải quyết.

Điều 7: Bất khả kháng.

7.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên kia bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày.

7.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn tả ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

8.1. Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra
- Các trường hợp bất khả kháng
- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

8.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

a. Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định, bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

b. Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

c. Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền:

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của bên B:

9.1. Bên B có những quyền sau:

- Yêu cầu bên A cung cấp yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu thử nghiệm trước ít nhất 12 tiếng.

- Từ chối các yêu cầu thí nghiệm trái với quy định của tiêu chuẩn Việt Nam và của Pháp luật.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9.2. Bên B có những nghĩa vụ sau:

- Thành lập phòng thí nghiệm đủ điều kiện theo đúng tiêu chuẩn tại công trường để thực hiện công tác thí nghiệm.



ĐIỂM MÀNG
THÀNH PHẦN

- Điều động đủ các máy móc, thiết bị, nhân lực đáp ứng công việc của hợp đồng.
- Tổ chức thí nghiệm theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn hiện hành được áp dụng.
- Tổ chức lấy mẫu thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm và báo cáo kết quả kịp thời cho bên A để bên A đẩy nhanh tiến độ thi công công trình.
- Bảo quản máy móc, thiết bị và con người tại công trường.
- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, kết quả thí nghiệm phục vụ công tác thu vốn với chủ đầu tư.
- Cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán hợp pháp cho bên A.
- Tạo điều kiện cho bên A thực hiện chức năng giám sát công việc do bên B thực hiện.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả công việc Bên B thực hiện.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của bên A

10.1. Bên A có những quyền sau:

- Yêu cầu bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ, kết quả thí nghiệm.
- Từ chối làm việc với cán bộ bên B nếu cán bộ bên B chưa được giới thiệu hoặc có những hành vi làm trái các quy định của pháp luật.
- Giám sát quá trình thực hiện công việc của bên B và ký vào các biên bản thử nghiệm khi bên B đề nghị.
- Yêu cầu bên B cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán hợp pháp.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

10.2. Bên A có những nghĩa vụ sau:

- Cử cán bộ giám sát quá trình thực hiện thí nghiệm của bên B và ký vào biên bản thử nghiệm (Bao gồm cán bộ giám sát của Chủ đầu tư (nếu có), cán bộ giám sát của đơn vị thi công).
- Thanh toán kịp thời cho bên B theo điều 4 và điều 5.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Điều khoản chung:

- Hợp đồng này cũng như tất cả tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.
- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng này có 06 trang đánh số từ 1- 6 và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản bên B giữ 02 bản.
- Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiến

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Triều Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 01 tháng 07 năm 2022

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 107-2022/HĐTN

Về việc: Thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng
Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Húc Động - Đông Vãn; Cao Ba
Lanh kết nối đến quốc lộ 18C, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh

Giữa

CÔNG TY TNHH HOÀN HẢO

Và

CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207



I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005;

Luật xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014;

Nghị định số 15/2021/NĐ - CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ - CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 37/2015/NĐ - CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Hợp đồng số 55/2022/HĐXD ngày 28/6/2022 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Liêu và Liên danh Công ty cổ phần đầu tư phát triển GMC – Công ty cổ phần xây dựng Quang Thảo – Công ty TNHH Hoàn Hảo về việc thực hiện Gói thầu xây lắp công trình: Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Húc Động – Đồng Văn; Cao Ba Lanh kết nối đến quốc lộ 18C, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ yêu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2022 chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Đại diện bên giao thầu (Bên A): Công ty TNHH Hoàn Hảo

- Địa chỉ : Số 14 Lê Thanh Nghị, P. Cộng Hòa, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Đại diện : Ông: **Nguyễn Văn Hoài** - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 02203.885.732
- Tài khoản : 4611000000204 tại Ngân hàng BIDVBắc Hải Dương
- Mã số thuế : 0800000168

2. Đại diện bên nhận thầu (Bên B): Công ty CP tư vấn kiểm định công trình XD 207

- Địa chỉ : Số 23/73 đường Thanh Bình, P. Thanh Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Đại diện : Ông **Đoàn Văn Hiếu** - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 0975.220951
- Tài khoản: 2300421101310072 tại Ngân hàng NN và phát triển nông thôn Hải Dương.
- Mã số thuế : 0800390503
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0800390503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần thứ: 3, ngày 21/12/2017
- Công nhận phép thử: Giấy chứng nhận số: 745/GCN-BXD do Bộ Xây dựng cấp ngày 20/06/2019
- Chứng chỉ năng lực HĐXD: Số: HAD-00018336 ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-SXD ngày 27/11/2018 và Quyết định số 86/QĐ-SXD ngày 23/03/2022 của Sở xây dựng Hải Dương.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng với những điều khoản sau:

III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Điều 1: Nội dung công việc phải thực hiện

Bên A giao cho bên B thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu & cấu kiện xây dựng Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Húc Động - Đồng Văn; Cao Ba Lanh kết nối đến quốc lộ 18C, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh, trong phạm vi các phép thử thuộc phòng LAS - XD 624 được phép thực hiện. Nội dung công việc bên B phải thực hiện cụ thể như sau:

1.1. Công tác thí nghiệm thông thường:

- Thí nghiệm vật liệu đầu vào: Cát, đá, thép, xi măng, đất,...
- Thiết kế thành phần cấp phối vữa xây, vữa bê tông.
- Thí nghiệm kiểm tra cường độ chịu nén mẫu bê tông, vữa.
- Thí nghiệm kiểm tra độ chặt hiện trường.
- Lớp cấp phối đá dăm, bê tông nhựa, tưới nhựa
- Và các thí nghiệm khác theo yêu cầu kỹ thuật của dự án.

(Không bao gồm các thí nghiệm kiểm tra thiết bị phục vụ thi công và một số thí nghiệm đặc biệt theo mục 1.2, Điều 1 dưới đây).

1.2. Công tác thí nghiệm đặc biệt: Bao gồm một số công tác thí nghiệm sau đây:

- Thí nghiệm vải địa kỹ thuật.
- Thí nghiệm Bentonit.
- Thí nghiệm gói cầu cao su.
- Thí nghiệm hàn lún vết bánh xe.
- Thí nghiệm siêu âm.
- Thí nghiệm thiết bị điện chiếu sáng.
- Thí nghiệm nén tĩnh kiểm tra chất lượng cọc.
- Thí nghiệm thiết bị phục vụ thi công.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

Bên B phải thực hiện công tác thí nghiệm đúng yêu cầu kỹ thuật của dự án và các TCVN hiện hành được Chủ đầu tư và TVGS công trình chấp thuận.

Điều 3: Thời gian, tiến độ thực hiện:

Thời gian bắt đầu: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Thời gian thực hiện hợp đồng đến khi hoàn thành công trình.

Điều 4: Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng trọn gói được xác định bằng 0,5% giá trị xây lắp hoàn thành sau thuế được thanh toán với Chủ đầu tư.

- Giá trị hợp đồng (tạm tính): $116.124.734.000 \times 0,5\% = 580.623.670 \text{ đ}$

(Bằng chữ: Năm trăm tám mươi triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

- Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm thuế VAT.



- Giá trị hợp đồng chính thức sẽ được điều chỉnh trên giá trị mà bên A thanh toán với Chủ đầu tư và khối lượng thực tế mà bên B thực hiện được bên A nghiệm thu thanh toán, trong đó:

+ Giá trị phần công tác thí nghiệm thông thường bằng $0.5\% \times \text{GTXL}$ (Tương ứng với giá trị hồ sơ thanh toán mà bên A ký với Chủ đầu tư).

+ Giá trị phần thí nghiệm đặc biệt bằng khối lượng thực tế tại hiện trường nhân với đơn giá (Có phụ lục đơn giá kèm theo).

Điều 5: Thanh toán hợp đồng:

5.1. Thời hạn thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B đồng thời Bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư.

Việc thanh toán được thực hiện hàng tháng trên cơ sở giá trị Bên A được Chủ đầu tư thanh toán. Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở giá trị được Chủ đầu tư thanh toán nhân với 0,5%, bên A sẽ thanh toán đến 100% khối lượng hoàn thành cho bên B.

5.2. Thanh toán tiền bị giữ lại:

Bên A sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên B khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng.

5.3. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

b) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

5.4. Hồ sơ thanh toán:

- Bảng xác định giá trị thanh toán.
- Đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn thuế VAT.

Điều 6: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc thì hai bên sẽ thương lượng với nhau để giải quyết theo đúng các quy định của pháp luật nếu không thương lượng được với nhau thì sẽ đưa ra toà án kinh tế Hải Dương để giải quyết.

Điều 7: Bất khả kháng.

7.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên kia bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày.

7.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn tả ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

8.1. Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra
- Các trường hợp bất khả kháng
- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

8.2. Hủy bỏ hợp đồng:

a. Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định, bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

b. Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường.

c. Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền:

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của bên B:

9.1. Bên B có những quyền sau:

- Yêu cầu bên A cung cấp yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu thử nghiệm trước ít nhất 12 tiếng.
- Từ chối các yêu cầu thí nghiệm trái với quy định của tiêu chuẩn Việt Nam và của Pháp luật.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9.2. Bên B có những nghĩa vụ sau:

- Thành lập phòng thí nghiệm đủ điều kiện theo đúng tiêu chuẩn tại công trường để thực hiện công tác thí nghiệm.
- Điều động đủ các máy móc, thiết bị, nhân lực đáp ứng công việc của hợp đồng.
- Tổ chức thí nghiệm theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn hiện hành được áp dụng.
- Tổ chức lấy mẫu thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm và báo cáo kết quả kịp thời cho bên A để bên A đẩy nhanh tiến độ thi công công trình.
- Bảo quản máy móc, thiết bị và con người tại công trường.



- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, kết quả thí nghiệm phục vụ công tác thu vốn với chủ đầu tư.
- Cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán hợp pháp cho bên A.
- Tạo điều kiện cho bên A thực hiện chức năng giám sát công việc do bên B thực hiện.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả công việc Bên B thực hiện.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của bên A

10.1. Bên A có những quyền sau:

- Yêu cầu bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ, kết quả thí nghiệm.
- Từ chối làm việc với cán bộ bên B nếu cán bộ bên B chưa được giới thiệu hoặc có những hành vi làm trái các quy định của pháp luật.
- Giám sát quá trình thực hiện công việc của bên B và ký vào các biên bản thử nghiệm khi bên B đề nghị.
- Yêu cầu bên B cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán hợp pháp.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

10.2. Bên A có những nghĩa vụ sau:

- Cử cán bộ giám sát quá trình thực hiện thí nghiệm của bên B và ký vào biên bản thử nghiệm (Bao gồm cán bộ giám sát của Chủ đầu tư (nếu có), cán bộ giám sát của đơn vị thi công).
- Thanh toán kịp thời cho bên B theo điều 4 và điều 5.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Điều khoản chung:

- Hợp đồng này cũng như tất cả tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.
- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng này có 06 trang đánh số từ 1- 6 và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản bên B giữ 02 bản.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

 GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HOÀI



ĐẠI DIỆN BÊN B

 GIÁM ĐỐC

Đoàn Văn

Trần B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 07 tháng 04 năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 07.04-2023/HĐTN

Về việc: Thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng

Dự án : Đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối đường tỉnh 392,
huyện Bình Giang với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng
thuộc Gói thầu: Thi công đường giao thông kết nối

Giữa

CÔNG TY TNHH HOÀN HẢO

Và

CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207



I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005;

Luật xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014;

Nghị định số 15/2021/NĐ - CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ - CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 37/2015/NĐ - CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Hợp đồng số 09-TL392/2023/HĐKT/ĐTHP-HH ngày 06/04/2023 giữa Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đô thị Hòa Phát và Công ty TNHH Hoàn Hảo về việc thực hiện Dự án : Đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối đường tỉnh 392, huyện Bình Giang với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thuộc Gói thầu: Thi công đường giao thông kết nối;

Căn cứ yêu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 04 năm 2023 chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Đại diện bên giao thầu (Bên A): Công ty TNHH Hoàn Hảo

- Địa chỉ : Số 14 Lê Thanh Nghi, P. Cộng Hòa, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Đại diện : Ông: Nguyễn Văn Hoài - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 02203.885.732
- Tài khoản : 46110000000204 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc Hải Dương
- Mã số thuế : 0800000168

2. Đại diện bên nhận thầu (Bên B): Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

- Địa chỉ : Số 23/73 đường Thanh Bình, P. Thanh Bình, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Đại diện : Ông Cao Thọ Khánh - Chức vụ: Phó Giám đốc
- Điện thoại : 0963.232308
- Tài khoản : 2300421101310072 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương.
- Mã số thuế : 0800390503
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0800390503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần thứ: 3, ngày 21/12/2017
- Công nhận phép thử: Giấy chứng nhận số: 745/GCN-BXD do Bộ Xây dựng cấp ngày 20/06/2019
- Chứng chỉ năng lực HỖXD: Số: HAD-00018336 ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-SXD ngày 27/11/2018 và Quyết định số 86/QĐ-SXD ngày 23/03/2022 của Sở xây dựng Hải Dương.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng với những điều khoản sau:

III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Điều 1: Nội dung công việc phải thực hiện

Bên A giao cho bên B thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu & cấu kiện xây dựng Dự án : Đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối đường tỉnh 392, huyện Bình Giang với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thuộc Gói thầu: Thi công đường giao thông kết nối, trong phạm vi các phép thử thuộc phòng LAS - XD 624 được phép thực hiện. Nội dung công việc bên B phải thực hiện cụ thể như sau:

1.1. Công tác thí nghiệm thông thường:

- Thí nghiệm vật liệu đầu vào: Cát, đá, thép, xi măng, đất,...
- Thiết kế thành phần cấp phối vữa xây, vữa bê tông.
- Thí nghiệm kiểm tra cường độ chịu nén mẫu bê tông, vữa.
- Thí nghiệm kiểm tra độ chặt hiện trường.
- Lốp cấp phối đá dăm, bê tông nhựa, tưới nhựa
- Và các thí nghiệm khác theo yêu cầu kỹ thuật của dự án.

(Không bao gồm các thí nghiệm kiểm tra thiết bị phục vụ thi công và một số thí nghiệm đặc biệt theo mục 1.2, Điều 1 dưới đây).

1.2. Công tác thí nghiệm đặc biệt: Bao gồm một số công tác thí nghiệm sau đây:

- Thí nghiệm vải địa kỹ thuật.
- Thí nghiệm Bentonit.
- Thí nghiệm gói cầu cao su.
- Thí nghiệm hần lún vệt bánh xe.
- Thí nghiệm siêu âm.
- Thí nghiệm thiết bị điện chiếu sáng.
- Thí nghiệm nén tĩnh kiểm tra chất lượng cọc.
- Thí nghiệm thiết bị phục vụ thi công.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

Bên B phải thực hiện công tác thí nghiệm đúng yêu cầu kỹ thuật của dự án và các TCVN hiện hành.

Điều 3: Thời gian, tiến độ thực hiện:

Thời gian bắt đầu: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Thời gian thực hiện hợp đồng đến khi hoàn thành công trình.

Điều 4: Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng trọn gói được xác định bằng 0,5% giá trị xây lắp hoàn thành sau thuế thu được với Chủ đầu tư.

- Giá trị hợp đồng (tạm tính): $143.317.327.557 \times 0,5\% = 716.586.638 \text{ đ}$

(VBC: Bảy trăm mười sáu triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng)

- Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm thuế VAT.



- Giá trị hợp đồng chính thức sẽ được điều chỉnh trên giá trị mà bên A thanh toán với Chủ đầu tư và khối lượng thực tế mà bên B thực hiện được bên A nghiệm thu thanh toán, trong đó:

+ Giá trị phần công tác thí nghiệm thông thường bằng $0.5\% \times \text{GTXL}$ (Tương ứng với giá trị hồ sơ thanh toán mà bên A ký với Chủ đầu tư).

+ Giá trị phần thí nghiệm đặc biệt bằng khối lượng thực tế tại hiện trường nhân với đơn giá (Có phụ lục đơn giá kèm theo).

Điều 5: Thanh toán hợp đồng:

5.1. Thời hạn thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B đồng thời Bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư.

Việc thanh toán được thực hiện hàng tháng trên cơ sở giá trị Bên A được Chủ đầu tư thanh toán. Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở giá trị được Chủ đầu tư thanh toán nhân với 0,5%, bên A sẽ thanh toán đến 100% khối lượng hoàn thành cho bên B.

5.2. Thanh toán tiền bị giữ lại:

Bên A sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên B khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng.

5.3. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

b) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

5.4. Hồ sơ thanh toán:

- Bảng xác định giá trị thanh toán.

- Đề nghị thanh toán.

- Hóa đơn thuế VAT.

Điều 6: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc thì hai bên sẽ thương lượng với nhau để giải quyết theo đúng các quy định của pháp luật nếu không thương lượng được với nhau thì sẽ đưa ra toà án kinh tế Hải Dương để giải quyết.

Điều 7: Bất khả kháng.

7.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên kia bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày.

7.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn tả ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

8.1. Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra
- Các trường hợp bất khả kháng
- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

8.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

a. Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định, bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

b. Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

c. Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền:

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của bên B:

9.1. Bên B có những quyền sau:

- Yêu cầu bên A cung cấp yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu thử nghiệm trước ít nhất 12 tiếng.
- Từ chối các yêu cầu thí nghiệm trái với quy định của tiêu chuẩn Việt Nam và của Pháp luật.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9.2. Bên B có những nghĩa vụ sau:

- Thành lập phòng thí nghiệm đủ điều kiện theo đúng tiêu chuẩn tại công trường để thực hiện công tác thí nghiệm.
- Điều động đủ các máy móc, thiết bị, nhân lực đáp ứng công việc của hợp đồng.
- Tổ chức thí nghiệm theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn hiện hành được áp dụng.
- Tổ chức lấy mẫu thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm và báo cáo kết quả kịp thời cho bên A để bên A đẩy nhanh tiến độ thi công công trình.
- Bảo quản máy móc, thiết bị và con người tại công trường.

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, kết quả thí nghiệm phục vụ công tác thu vốn với chủ đầu tư.
- Cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán hợp pháp cho bên A.
- Tạo điều kiện cho bên A thực hiện chức năng giám sát công việc do bên B thực hiện.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả công việc Bên B thực hiện.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của bên A

10.1. Bên A có những quyền sau:

- Yêu cầu bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ, kết quả thí nghiệm.
- Từ chối làm việc với cán bộ bên B nếu cán bộ bên B chưa được giới thiệu hoặc có những hành vi làm trái các quy định của pháp luật.
- Giám sát quá trình thực hiện công việc của bên B và ký vào các biên bản thử nghiệm khi bên B đề nghị.
- Yêu cầu bên B cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán hợp pháp.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

10.2. Bên A có những nghĩa vụ sau:

- Cử cán bộ giám sát quá trình thực hiện thí nghiệm của bên B và ký vào biên bản thử nghiệm (Bao gồm cán bộ giám sát của Chủ đầu tư (nếu có), cán bộ giám sát của đơn vị thi công).
- Thanh toán kịp thời cho bên B theo điều 4 và điều 5.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Điều khoản chung:

- Hợp đồng này cũng như tất cả tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.
- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng này có 06 trang đánh số từ 1- 6 và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản bên B giữ 02 bản.

- Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN HOÀI

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC
Cao Thị Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207

Trụ sở chính: Số 23/73 đường Thanh Bình - Phường Thanh Bình - TP Hải Dương

Điện thoại (Fax): 02203.897.937 – Di động : 0963.232308

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM: 2021 – 2022 - 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

[02] Mã số thuế: 0800390503

[03] Địa chỉ: Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, - thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương

[04] Quận/Huyện: Hải Dương [05] Tỉnh/Thành phố: Hải Dương

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.661.880	31.807.964
II. Đầu tư tài chính	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	130		24.113.420.226	21.413.182.810
1. Phải thu của khách hàng	131		24.113.420.226	21.413.182.810
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		0	0
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		965.000.000	0
1. Hàng tồn kho	141		965.000.000	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	150		0	0
- Nguyên giá	151		0	470.121.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		0	(470.121.000)
VI. Bất động sản đầu tư	160		0	0
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0
VII. XDCB dở dang	170		0	0
VIII. Tài sản khác	180		0	0
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		0	0
2. Tài sản khác	182		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	200		25.082.082.106	21.444.990.774

NGUỒN VỐN

I. Nợ phải trả	300		24.658.202.442	20.954.205.463
1. Phải trả người bán	311		9.263.251.403	7.915.609.868
2. Người mua trả tiền trước	312		1.765.075.667	1.292.336.667
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		506.225.372	1.450.988.928
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Phải trả khác	315		58.650.000	55.270.000
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		13.065.000.000	10.240.000.000
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	400		423.879.664	490.785.311
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		423.879.664	480.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		0	10.785.311
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	500		25.082.082.106	21.444.990.774

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 14 tháng 03 năm 2022
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207.**

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

[03] Mã số thuế: 0800390503

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.898.595.691	14.190.150.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		3.898.595.691	14.190.150.727
4. Giá vốn hàng bán	11		3.835.845.395	13.956.654.700
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		62.750.296	233.496.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		34.837	56.322
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		55.797.000	223.013.000
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		6.988.133	10.539.349
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	4.072.458
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	(4.072.458)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.988.133	6.466.891
14. Chi phí thuế TNDN	51		1.397.627	1.475.509
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		5.590.506	4.991.382

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 14 tháng 03 năm 2022
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số: **B03**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

Năm 2021

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

[03] Mã số thuế: 0800390503

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.060.956.841	5.179.617.298
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(3.924.618.587)	(4.296.461.181)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(360.000.000)	(6.853.000.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.022.190)	(2.024.223)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		26.460.000	26.460.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(653.956.985)	(335.080.653)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.853.180.921)	(6.280.488.759)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		34.837	56.322
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		34.837	56.322
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.825.000.000	6.140.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		0	0
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.825.000.000	6.140.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(28.146.084)	(140.432.437)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.807.964	172.240.401
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.661.880	31.807.964

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 14 tháng 03 năm 2022
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Các chỉ tiêu không có số liệu thì doanh nghiệp không phải trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- (2) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B01a - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

[02] Mã số thuế: 0800390503

[03] Địa chỉ: Số 23/73 đường Thanh Bình, phường
Thanh Bình, - thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương

[04] Quận/Huyện: Thành
phố Hải Dương

[05] Tỉnh/Thành phố:
Hải Dương

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.102.415	3.661.880
II. Đầu tư tài chính	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	130		21.741.591.207	24.113.420.226
1. Phải thu của khách hàng	131		21.741.591.207	24.113.420.226
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		0	0
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		545.381.397	965.000.000
1. Hàng tồn kho	141		545.381.397	965.000.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	150		0	0
- Nguyên giá	151		470.121.000	470.121.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(470.121.000)	(470.121.000)
VI. Bất động sản đầu tư	160		0	0
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0
VII. XDCB dở dang	170		0	0
VIII. Tài sản khác	180		606.444.605	0
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		606.444.605	0
2. Tài sản khác	182		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	200		22.917.519.624	25.082.082.106

NGUỒN VỐN

I. Nợ phải trả	300		22.759.043.260	24.658.202.442
1. Phải trả người bán	311		8.571.870.927	9.263.251.403
2. Người mua trả tiền trước	312		2.613.402.333	1.765.075.667
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		0	506.225.372
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Phải trả khác	315		28.770.000	58.650.000
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		11.545.000.000	13.065.000.000
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	400		158.476.364	423.879.664
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		158.476.364	423.879.664
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	500		22.917.519.624	25.082.082.106

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2023
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

[03] Mã số thuế: 0800390503

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		456.748.636	3.898.595.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		456.748.636	3.898.595.691
4. Giá vốn hàng bán	11		390.162.319	3.835.845.395
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		66.586.317	62.750.296
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		54.199	34.837
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		64.085.382	55.797.000
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		2.555.134	6.988.133
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.555.134	6.988.133
14. Chi phí thuế TNDN	51		511.027	1.397.627
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		2.044.107	5.590.506

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2023
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số: **B03**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

Năm 2022

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

[03] Mã số thuế: 0800390503

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.718.097.228	2.060.956.841
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(2.972.827.385)	(3.924.618.587)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(252.000.000)	(360.000.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	(2.022.190)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		26.460.000	26.460.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.067.022.964)	(653.956.985)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(547.293.121)	(2.853.180.921)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		54.199	34.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		54.199	34.837
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(250.320.543)	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		900.000.000	2.825.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		(85.000.000)	0
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		564.679.457	2.825.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		17.440.535	(28.146.084)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.661.880	31.807.964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		24.102.415	3.661.880

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2023
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Các chỉ tiêu không có số liệu thì doanh nghiệp không phải trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
 - (2) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.
-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

[02] Mã số thuế: 0800390503

[03] Địa chỉ: Số 23/73 đường Thanh Bình, phường Thanh Bình, - thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương

[04] Quận/Huyện: Thành phố Hải Dương

[05] Tỉnh/Thành phố: Hải Dương

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.111.294	42.287.296
II. Đầu tư tài chính	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	130		24.434.175.395	22.367.789.291
1. Phải thu của khách hàng	131		24.434.175.395	22.367.789.291
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		0	0
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		0	545.381.397
1. Hàng tồn kho	141		0	545.381.397
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	150		0	0
- Nguyên giá	151		470.121.000	470.121.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(470.121.000)	(470.121.000)
VI. Bất động sản đầu tư	160		0	0
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0
VII. XDCB dở dang	170		0	0
VIII. Tài sản khác	180		1.483.678.573	606.444.605
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		1.483.678.573	606.444.605
2. Tài sản khác	182		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	200		25.931.965.262	23.561.902.589

NGUỒN VỐN

I. Nợ phải trả	300		25.768.293.021	23.403.426.225
1. Phải trả người bán	311		8.217.884.927	8.571.870.927
2. Người mua trả tiền trước	312		3.081.638.094	2.862.785.298
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		0	0
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Phải trả khác	315		28.770.000	28.770.000
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		14.440.000.000	11.940.000.000
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	400		163.672.241	158.476.364
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		163.672.241	158.476.364
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	500		25.931.965.262	23.561.902.589

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207**. Không thể kiểm tra tình trạng thu hồi của chứng thư số (Chứng thư số đã bị thu hồi).

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

[03] Mã số thuế: 0800390503

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.479.837.927	456.748.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		2.479.837.927	456.748.636
4. Giá vốn hàng bán	11		2.470.095.397	390.162.319
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.742.530	66.586.317
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		23.211	54.199
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		3.270.895	64.085.382
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		6.494.846	2.555.134
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.494.846	2.555.134
14. Chi phí thuế TNDN	51		1.298.969	511.027
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		5.195.877	2.044.107

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207. Không thể kiểm tra tình trạng thu hồi của chứng thư số (Chứng thư số đã bị thu hồi.).

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Mẫu số: **B03**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần tư vấn kiểm định công trình xây dựng 207

[03] Mã số thuế: 0800390503

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		855.902.874	3.718.097.228
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.335.841.202)	(2.972.827.385)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(994.272.000)	(252.000.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(511.027)	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	26.460.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.053.477.858)	(1.067.022.964)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.528.199.213)	(547.293.121)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		23.211	54.199
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.211	54.199
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	(250.320.543)
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.500.000.000	900.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		0	(85.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.500.000.000	564.679.457
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(28.176.002)	17.440.535
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.287.296	6.661.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		14.111.294	24.102.415

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Các chỉ tiêu không có số liệu thì doanh nghiệp không phải trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- (2) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG 207**. Không thể kiểm tra tình trạng thu hồi của chứng thư số (Chứng thư số đã bị thu hồi.).